

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số: 10/2019/CV-CBTT

V/v Công bố thông tin



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 04 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Mã chứng khoán: ATA

Trụ sở chính: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 02963 601 255

Fax: 02963 931797

Người thực hiện công bố thông tin: Vương Kim Quyên

Địa chỉ: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 02963 601 255

Fax: 02963 931797

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần NTACO.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo thường niên năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin

Vương Kim Quyên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần NTACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600513044
- Vốn điều lệ: 119.999.980.000 đồng (*Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 119.999.980.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại: 02963. 601 255
- Số fax: 02963. 931 797
- Website: www.ntacocorp.com.vn
- Mã cổ phiếu: ATA.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Ngày 11/04/2007 Công ty cổ phần NTACO thành lập với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh số 5203000066 do sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 11/04/2007.
- Ngày 08 tháng 09 năm 2009 Công ty chính thức niêm yết 10.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ATA.
- Năm 2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 119.999.980.000 đồng và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành số : 16000513044 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 05 năm 2012.
- Tại Đại hội cổ đông ngày 03 tháng 11 năm 2015 Công ty đã bầu lại nhân sự chủ chốt và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 12 tháng 11 năm 2015.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn thủy sản, sản xuất mua bán bao bì giấy, bao bì PE,PP, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá, nuôi cá, mua bán cá và thủy sản ...

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

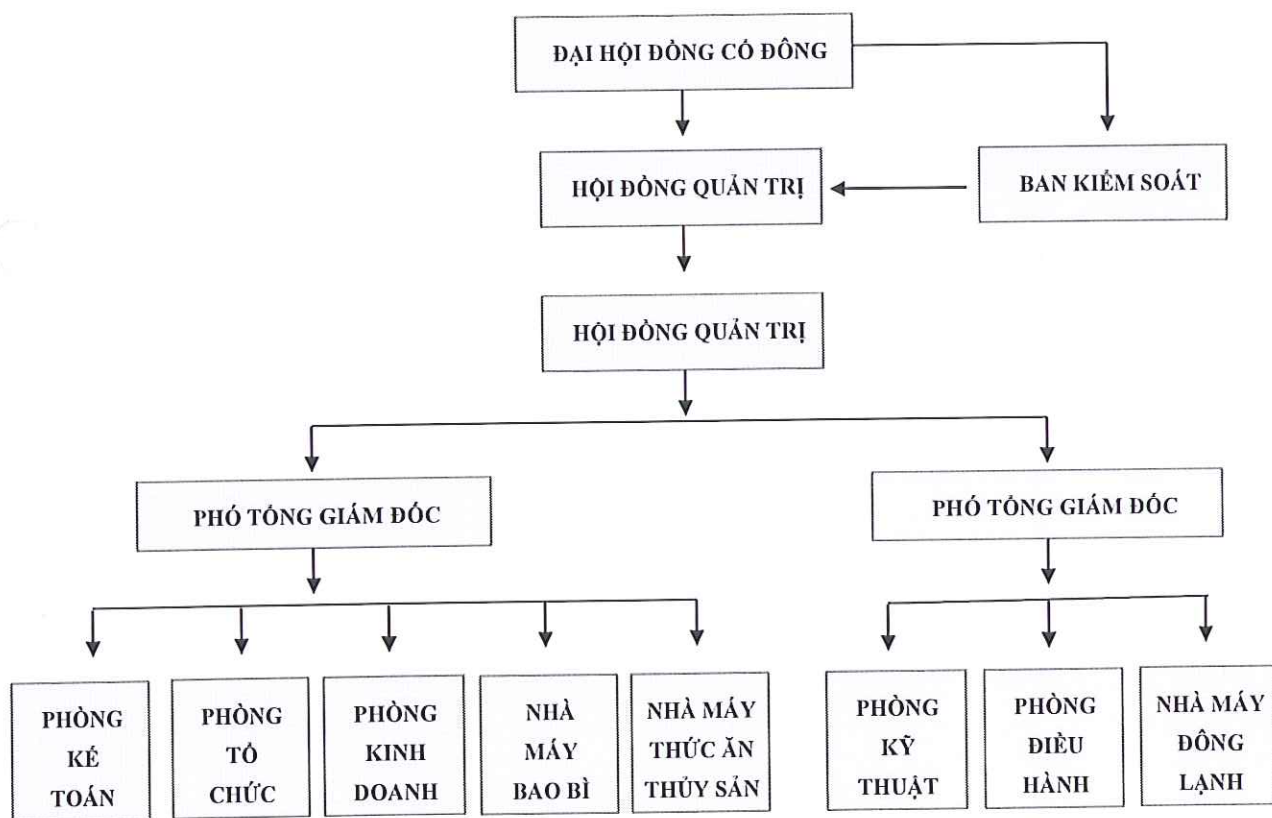


- **Địa bàn kinh doanh:** Ngành chế biến cá tra xuất khẩu trong và ngoài nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị Công ty gồm:** Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

Cơ cấu bộ máy quản lý.



5. Định hướng phát triển

- Mục tiêu và chiến lược : Phát triển Công ty trong thời gian tới là trở thành công ty xuất khẩu thủy sản mạnh và nằm trong топ đầu các Công ty xuất khẩu thủy sản .
- Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Là ngành cần nhiều lao động , hiện công ty đang tạo việc làm cho hơn 500 lao động trong nước . Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy đông lạnh và vùng nuôi thủy sản để đảm bảo nguồn nước thải không ảnh hưởng đến môi trường.

6. **Các rủi ro:** Kinh tế còn trong giai đoạn khó khăn , nên rủi ro lớn nhất hiện tại là việc thanh toán tiền hàng từ nước ngoài . Tuy nhiên, rủi ro này cũng được hạn chế vì phần lớn khách hàng của Ntaco trong thời điểm này là những khách hàng quen biết, có quan hệ thường xuyên và lâu năm.

II . Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm
Doanh thu thuần	5.683.946.697	2.340.000.000	(3.343.946.697)
Lợi nhuận sau thuế	(163.779.382.254)	(6.934.248.358)	(156.845.133.896)

Lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ là do Công ty phải trả nợ tiền vay ngân hàng tồn tại trước đây .

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị.

a. Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Thanh Sơn**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 001060000191; cấp ngày: 06/02/2013; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763. 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
- .Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty Cổ phần thu nợ Dân An, Chủ tịch Công ty cp Đấu giá Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.177.280 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **LÝ VĨ PHÁT**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351421918; cấp ngày: 08/03/2016; Nơi cấp: An giang.
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/07/1982
- Nơi sinh: Châu đốc- An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Bình Hòa, Châu Phú – An Giang.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 601 255
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2006 đến 2008: Làm việc ở Công ty CP XNK TS AGIFISH
 - + Từ 2008 đến 2010: Công ty QVD – Đồng Tháp.
 - + Từ 2010 đến 2015 : Công ty CP XNK Hòa phát
 - + Từ 2015 đến nay : Công ty cổ phần NTACO.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Phó Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Trần Minh Trọng**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351865509, cấp ngày 27/08/2014, tại An Giang.

- Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1990
- Nơi sinh: Vĩnh Thành , Châu Thành, An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Bình Nhất , Xã Vĩnh Thành , Huyện Châu Thành , An Giang.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 477
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2016 đến nay : Công ty cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị và Kế Toán Trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

d. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Lê Thị Phương Thảo**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012854257, cấp ngày 22/02/2006, tại Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/03/1992
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 24, ngách 111/2 Giáp Bát, Hoàng Mai , Hà nội.

- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2014 : BBQ Company
 - + Từ 2015 : Apax English center
 - + Từ 2016 đến nay : NTACO company
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

e. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Quốc Cường**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011286216, Nơi cấp : Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 04/09/1966
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 46/61 Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm , Long Biên , Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 đến nay : Công ty Cổ Phần Thu Nợ Dân An – Chi Nhánh Hà Nội.



- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Thu Nợ Dân An – Chi Nhánh Hà Nội .
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.2 Ban Giám đốc

a. Họ và tên: Lê Thị Phương Thảo – Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012854257; cấp ngày: 22/02/2006; Nơi cấp: Hà nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/03/1992
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 24, ngách 111/21 Giáp Bát , Hoàng Mai, Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2014: BBQ company
 - + Từ 2015 : Apax English center
 - + Từ 2016 đến nay: NTACO company.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Phó Tổng Giám đốc: Lý Vĩ Phát

Giới tính: Nam

- Số CMND: 351421918; cấp ngày: 08/03/2016; Nơi cấp: An giang.
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/07/1982
- Nơi sinh: Châu đốc- An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Bình Hòa, Châu Phú – An Giang.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2006 đến 2008: Làm việc ở Công ty CP XNK TS AGIFISH
 - + Từ 2008 đến 2010: Công ty QVD – Đồng Tháp.
 - + Từ 2010 đến 2015 : Công ty CP XNK Hòa phát
 - + Từ 2015 đến nay : Công ty cổ phần NTACO Phó Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Phó Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Thị Dung

Giới tính: Nữ

- Số CMND: 350058770; cấp ngày: 11/04/2005; Nơi cấp: An giang.
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/12/1960
- Nơi sinh: Châu đốc- An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: 52/2A Lý Thái Tổ , Mỹ Long , Long Xuyên , An Giang.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763 665 100
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 đến 2005: Công tác tại Trung Tâm Giống Thủy Sản – Sở Nông Nghiệp Tỉnh An Giang
 - + Từ 2006 đến 2007: Công tác tại Hiệp hội nghề cá tỉnh An Giang(AFA).
 - + Từ 2008 đến nay : Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần NTACO, Giám Đốc nhà máy thức ăn thủy sản Việt Thái.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần NTACO.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 26.680 cổ phần.
 Trong đó: - Sở hữu cá nhân : 26.680 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.3. Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Sơn Ngọc Thành
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351499340 ; cấp ngày: 19/04/2012 ; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 28/04/1984
- Nơi sinh: Bình An II , An Hòa, Châu Thành , An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Bình An II , An Hòa, Châu Thành , An Giang. .
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 933 169
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2008 đến nay: Nhân viên Công ty Cổ Phần NTACO.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đông**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351572617; cấp ngày: 09/06/2015; Nơi cấp: CA An Giang.
- Ngày, tháng, năm sinh: 18/10/1985
- Nơi sinh: An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Mỹ Luông , Chợ Mới , An Giang
- Số điện thoại liên lạc: 02963 601 255
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2008 đến nay: Phòng kinh doanh Công ty cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ: không.

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: **Cao Tuyết Lan**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011920576; Nơi cấp: Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 43/61 Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm , Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Tin Học
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 - 2004: Trung tâm tin học PT.
 - + Từ 2005 - 2012: Công ty CP Thương Mại DV Tổng Hợp Và Công Nghệ HTL.
 - + Từ 2013 đến nay: CN. Công ty CP Đầu Giá Đại Nam tại Hà Nội.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Việt Việt Nhật.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

f. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm, Công ty có sự thay đổi Ban điều hành như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm 03/11/2015
8	Lê Thị Phương Thảo	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm 09/06/2017
9	Lý Vĩ Phát	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm 15/12/2015
10	Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm 28/10/2011

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 317 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	0,64%
	Đại học	06	1,89%
	Cao đẳng, trung cấp	01	0,32%
Khối Văn Phòng	Đại Học	06	1,89%
	Cao đẳng, trung cấp	04	1,26%
	Lao Động Phổ Thông	298	94%
	Tổng cộng	317	100,00%

3.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới sáng thứ bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật. Do đặc điểm của sản xuất chế biến thủy sản, người lao động làm việc tại bộ phận thành phẩm và bộ phận kho được chia làm 02 ca / ngày làm việc mỗi ca làm việc 8h. Đối với khối văn phòng và các bộ phận khác chỉ làm việc 1 ca / ngày .

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Đối với công nhân sản xuất sản phẩm đông lạnh , do thường xuyên phải tiếp xúc với môi trường ẩm ướt, lạnh nên Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của nhà nước như :

quần , áo , mũ , găng tay , khẩu trang , ủng ...Đối với công nhân phụ trách điện được công ty trang bị quần áo , găng tay , giày... không dẫn điện và các dụng cụ sử dụng an toàn điện như dây bảo hiểm , thang , kiểm cách điện , mũ an toàn ...

b. Chính sách tuyển dụng , đào tạo:

Tuyển dụng : Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao.Tùy theo yêu cầu công việc , Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận , phòng ban . Tiêu chí tuyển dụng của công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ trình độ chuyên môn cao , năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại Học An Giang , Cần Thơ , Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công Tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý , văn phòng . Đối với công nhân nhà máy chế biến , Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý , văn phòng , tùy theo yêu cầu công việc công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên . Công ty thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, đào tạo BRC (British Retail Consortium) của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc...

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Công ty có khu tập thể cho các cán bộ quản lý của nhà máy.

Bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 11.999.998 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	1.177.570	9.81%	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Thị Phương Thảo	10	0,00%	Tổng Giám Đốc

3	Nguyễn Thị Dung	30.000	0,25%	Phó Tổng Giám Đốc
4	Cổ đông khác	10.792.418	89.94%	
Tổng cộng		11.999.998	100%	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) **Các chứng khoán khác:** Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

5. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Trong năm 2018 do thiếu vốn kinh doanh, Công ty gặp nhiều khó khăn nợ tồn đọng và không đạt lợi nhuận như trên.

Khoản mục	Kế hoạch 2018	Kết quả 2018	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	500.000.000.000	2.340.000.000	0.47%
Lợi nhuận	50.000.000.000	(6.934.248.358)	(13.87)%

5.1. Tình hình tài chính

Khoản mục	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	610.209.347	1.260.985.635	(51.61)%
Tài sản dài hạn	28.951.709.664	34.676.550.236	(16.51)%
Nợ ngắn hạn	499.665.579.612	499.106.948.114	0.11%
Nợ dài hạn	-	-	-

Kết quả trên cho thấy tình hình tài sản Công ty trong năm qua biến động giảm, tài sản ngắn hạn giảm (51.61)%, tài sản dài hạn giảm (16.51)%. Nợ ngắn hạn tăng 0.11%.

6.2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác...

6.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Công ty sẽ dựa trên tình hình thực tế để đề xuất kế hoạch cho từng năm cụ thể. Việc đề xuất kế hoạch sẽ được Đại hội cổ đông thường niên thông qua hàng năm.

6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp. Kết quả kinh doanh chưa đạt được lợi nhuận chỉ tiêu đề ra.

7. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	1.177.280	9.81%
2	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	0	0.00%
3	Lý Vĩ Phát	Thành viên HĐQT	0	0.00%
4	Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT	0	0.00%
5	Lê Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	0	0.00%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
-----	---------------------------	------	----------

1	Số : 09/2018/BB-HĐQT/ATA	17/04/2018	Biên bản HĐQT V/v giao cho Tổng giám đốc tiến hành các thủ tục liên quan cho thuê xưởng.
2	Số: 10/2018/NQ-HĐQT/ATA	17/04/2018	Nghị Quyết HĐQT V/v giao cho Tổng Giám Đốc tiến hành các thủ tục liên quan cho thuê xưởng.
3	Số: 05/BB-HĐQT/2018	04/10/2018	Biên bản HĐQT V/v chọn công ty TNHH Kiểm Toán Và Thẩm Định Giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
4	Số : 06/NQ-HĐQT/2018	04/10/2018	Nghị Quyết HĐQT V/v chọn công ty TNHH Kiểm Toán Và Thẩm Định Giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
5	Số: 02/2018/BB-ĐHĐCĐ-ATA	19/01/2018	Biên bản Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2018
6	Số : 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA	19/01/2018	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
7	Số: 07/2018/BB-HĐQT/ATA	23/03/2018	Biên bản HĐQT V/v chốt danh sách cổ đông hợp ĐHCĐ thường niên 2018
8	Số: 08/2018/NQ-HĐQT/ATA	23/03/2018	Nghị Quyết HĐQT V/v chốt danh sách cổ đông hợp ĐHCĐ thường niên 2018
9	Số: 01/2018/BB-ĐHĐCĐ-ATA	17/05/2018	Biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
10	Số : 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA	17/05/2018	Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Sơn Ngọc Thành	Trưởng Ban	0	0.00%
2	Cao Tuyết Lan	Thành viên	0	0.00%
3	Nguyễn Hữu Đông	Thành viên	0	0.00%

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:** Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

8. Báo Cáo Tài Chính

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**



CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ntaco là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh – Thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 8 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ chín (09) ngày 30 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600513044 ngày 11 tháng 04 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã bảy (07) lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 191.999.980.000 đồng tương đương 11.999.998 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 26 tháng 8 năm 2009 với mã chứng khoán là ATA. Tại ngày 06 tháng 02 năm 2017, Công ty đã chính thức bị hủy niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Quyết định số 05/QĐ-SGDHCM ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho đăng ký giao dịch từ ngày 08 tháng 02 năm 2017 với mã chứng khoán ATA. Tuy nhiên cổ phiếu Công ty đã bị hạn chế giao dịch từ ngày 17 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Trần Minh Trọng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2017
Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2017
Ông Lý Vĩ Phát	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2017
Bà Lê Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Ông Lý Vĩ Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm soát

Ông Sơn Ngọc Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2017
Bà Cao Tuyết Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ý kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị của Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



NGUYỄN THANH SƠN

Chủ tịch

An Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Số: 387/BCKT-TC/AVA-HCMC.03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Công ty đã nhận được kết quả Bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang. Theo đó, Công ty phải có nghĩa vụ chi trả nợ gốc, lãi đến hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền lần lượt là 40.417.466.700 đồng và 3.086.295.981 đồng.

Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty tiếp tục lỗ lũy kế là 590.103.640.601 đồng. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 499.055.370.265 đồng. Trong đó, một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên, và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Theo đó, giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nhưng do tính chất phức tạp của các vụ kiện nêu trên nên chúng tôi chưa đủ thông tin để đánh giá liệu Công ty có bị buộc ngừng hoạt động do nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý liên quan.

Trong năm, Công ty cũng chưa tiến hành trích trước các khoản lãi vay quá hạn của các khoản vay ngân hàng. Chúng tôi cũng chưa có bằng chứng và cơ sở để thực hiện ước tính ảnh hưởng của khoản chi phí lãi vay chưa ghi nhận này đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty trong năm.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về cơ sở lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục của báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính đó tại ngày 30 tháng 03 năm 2018.

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0448-2018-126-1

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Lê Thùy Dương
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2879-2014-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		610.209.347	1.260.985.635
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	105.537.507	111.983.306
1. Tiền	111		105.537.507	111.983.306
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.211.000	723.164.847
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.363.958.359	6.443.338.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	473.762.174	508.748.374
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	819.787.223	1.095.245.453
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.656.296.756)	(7.489.944.925)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	165.777.567
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		503.460.840	425.837.482
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		503.460.840	425.837.482
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.951.709.664	34.676.550.236
I. Tài sản cố định	220		28.951.709.664	34.676.550.236
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.468.289.664	31.193.130.236
- Nguyên giá	222		109.888.593.916	110.663.265.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.420.304.252)	(79.470.135.680)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.483.420.000	3.483.420.000
- Nguyên giá	228		3.483.420.000	3.483.420.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.335.000.000	1.335.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		29.561.919.011	35.937.535.871

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		499,665,579,612	499,106,948,114
I. Nợ ngắn hạn	310		499,665,579,612	499,106,948,114
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	7,772,715,645	8,142,590,575
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67,227,930	67,227,930
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	3,794,540,919	3,020,913,254
4. Phải trả người lao động	314		522,506,001	470,067,500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	161,691,631,437	161,691,631,437
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	751,530,296	649,090,034
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	324,824,798,044	324,824,798,044
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	240,629,340	240,629,340
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(470,103,660,601)	(463,169,412,243)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(470,103,660,601)	(463,169,412,243)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119,999,980,000	119,999,980,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(590,103,640,601)	(583,169,392,243)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(583,169,392,243)	(419,390,009,989)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6,934,248,358)	(163,779,382,254)
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		29,561,919,011	35,937,535,871

An Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng



TRẦN MINH TRỌNG

NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,340,000,000	5,683,946,697
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2,340,000,000	5,683,946,697
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5,067,609,649	9,796,512,305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(2,727,609,649)	(4,112,565,608)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25,541	2,117,017
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	-	59,406,489,730
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	59,406,489,730
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	4,010,723,135	8,029,253,281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		(6,738,307,243)	(71,546,191,602)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	449,836,452	28,477,218,217
12. Chi phí khác	32	VI.6	645,777,567	120,710,408,869
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(195,941,115)	(92,233,190,652)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(6,934,248,358)	(163,779,382,254)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(6,934,248,358)	(163,779,382,254)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(578)	(13,648)

An Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng


TRẦN MINH TRỌNG**NGUYỄN THANH SƠN**

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6,934,248,358)	(163,779,382,254)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5,718,094,229	6,234,583,518
- Các khoản dự phòng	03	166,351,831	1,794,251,284
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(47,429,198)	1,561,753,960
- Chi phí lãi vay	06	-	59,406,489,730
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1,097,231,496)	(94,782,303,762)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	477,978,658	118,952,373,504
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	558,631,498	(25,106,582,214)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	315,151,617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(60,621,340)	(621,360,855)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	54,150,000	24,545,455
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25,541	2,117,017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	54,175,541	26,662,472
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6,445,799)	(594,698,383)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	111,983,306	706,681,689
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	105,537,507	111,983,306

An Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



TRẦN MINH TRỌNG

NGUYỄN THANH SƠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ntaco là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 8 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ chín (09) ngày 30 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600513044 ngày 11 tháng 04 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã bảy (07) lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 119.999.980.000 đồng tương đương 11.999.998 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đơn vị trực thuộc

Công ty có hai (02) đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Chế biến Thức ăn Thủy sản Việt Thái tọa lạc tại tổ 18, Quốc lộ 91, ấp Bình An I, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và Nhà máy Bao bì Vạn Lợi tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá;
- Nuôi cá;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Chế biến mua bán nông sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động, vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 06 tỷ đồng).

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng đã hoàn thành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác

Theo các quy định hiện hành của Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt	85.624.164	90.660.266
Tiền gửi ngân hàng	19.913.343	21.323.040
Cộng	<u>105.537.507</u>	<u>111.983.306</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn của Công ty chỉ bao gồm khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Âu Việt (*)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.335.000.000)
Cộng	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.335.000.000)</u>	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.335.000.000)</u>

- (*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1501406567 ngày 27 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ hai (02) ngày 05 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Âu Việt 1.335.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính là như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số dư đầu năm	1.335.000.000	1.335.000.000
Số dư cuối năm	<u>1.335.000.000</u>	<u>1.335.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Global Tradings Ltd.,	4.182.076.555	(4.182.076.555)	4.182.076.555	(4.182.076.555)
Công ty TNHH Mekong	577.500.165	(577.500.165)	577.500.165	(577.500.165)
Công ty Cổ phần Thương mại				
Dịch vụ XNK Thủy sản Vietfish	221.415.000	(221.415.000)	221.415.000	(221.415.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	-	-	39.517.569	(39.517.569)
Các khách hàng khác	1.382.966.639	(1.382.966.639)	1.422.829.089	(1.400.897.864)
Cộng	<u>6.363.958.359</u>	<u>(6.363.958.359)</u>	<u>6.443.338.378</u>	<u>(6.421.407.153)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	177.969.960	(177.969.960)	177.969.960	-
Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep	84.463.227	(84.463.227)	84.463.227	(84.463.227)
Các nhà cung cấp khác	211.328.987	(211.314.987)	246.315.187	(165.484.322)
Cộng	473.762.174	(473.748.174)	508.748.374	(249.947.549)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	233.653.997	(233.653.997)	244.153.997	(233.653.997)
Trịnh Ngọc Minh	-	-	266.155.230	-
Phải thu khác	586.133.226	(584.936.226)	584.936.226	(584.936.226)
Cộng	819.787.223	(818.590.223)	1.095.245.453	(818.590.223)

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	6.363.958.359	6.421.407.153
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	473.748.174	249.947.549
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác khó đòi	818.590.223	818.590.223
Cộng	7.656.296.756	7.489.944.925

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
Số dư đầu năm	7.489.944.925	119.650.519.890
Xóa nợ trong năm	-	(113.954.826.249)
Dự phòng bổ sung trong năm	166.351.831	1.794.251.284
Số dư cuối năm	7.656.296.756	7.489.944.925

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	40.198.397.727	69.241.146.433	579.163.636	644.558.120	110.663.265.916
Thanh lý, nhượng bán	-	(774.672.000)	-	-	(774.672.000)
Số dư cuối năm	40.198.397.727	68.466.474.433	579.163.636	644.558.120	109.888.593.916
Khấu hao hết vẫn còn sử dụng	406.189.964	33.479.609.296	-	644.558.120	34.530.357.380
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	21.124.332.152	57.204.951.685	497.109.206	643.742.637	79.470.135.680
Khấu hao trong năm	2.150.073.960	3.509.288.418	57.916.368	815.483	5.718.094.229
Thanh lý, nhượng bán	-	(767.925.657)	-	-	(767.925.657)
Số dư cuối năm	23.274.406.112	59.946.314.446	555.025.574	644.558.120	84.420.304.252
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	19.074.065.575	12.036.194.748	82.054.430	815.483	31.193.130.236
Số dư cuối năm	16.923.991.615	8.520.159.987	24.138.062	-	25.468.289.664

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 25.468.289.664 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Cộng
Số dư đầu năm	3.483.420.000	-	3.483.420.000
Số dư cuối năm	3.483.420.000	-	3.483.420.000

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Bên liên quan	-	126.000.000
Bà Đinh Thị Phương Thùy	-	96.000.000
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	30.000.000
Bên thứ ba	7.772.715.645	8.016.590.575
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321
Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Phúc Thiện	112.320.000	112.320.000
Các nhà cung cấp khác	786.936.324	1.030.811.254
Cộng	7.772.715.645	8.142.590.575

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	808.301.565	166.233.955	-	974.535.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.220.250	(1.393.500)	826.750
Thuế tài nguyên	1.200.000	7.200.000	(7.200.000)	1.200.000
Tiền thuê đất	796.566.960	796.566.960	(190.000.000)	1.403.133.920
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các loại thuế khác	1.414.844.729	-	-	1.414.844.729
Cộng	3.020.913.254	977.221.165	(203.593.500)	3.794.540.919

Trong năm, theo Quyết định số 2384/QĐ-CT ngày 04 tháng 06 năm 2018 của Cục thuế tỉnh An Giang về việc cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn thuế giá trị gia tăng của Công ty không còn giá trị sử dụng. Quyết định có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa được Cục thuế tỉnh An Giang gỡ bỏ lệnh cưỡng chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí lãi vay phải trả.

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	118.535.492.447	118.535.492.447
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang	11.637.466.667	11.637.466.667
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	28.001.928.746	28.001.928.746
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang	2.074.770.467	2.074.770.467
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.441.973.110	1.441.973.110
Cộng	<u>161.691.631.437</u>	<u>161.691.631.437</u>

Trong năm, Công ty chưa thực hiện trích và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chi phí lãi vay quá hạn của các khoản vay nêu tại thuyết minh V.13.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Bên liên quan	724.936.296	603.521.546
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	220.230.000	482.230.000
Nguyễn Thanh Sơn - Mượn tiền	332.609.296	121.291.546
Trần Minh Trọng - Mượn tiền	172.097.000	-
Bên thứ ba	26.594.000	45.568.488
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	-	18.974.488
Phải trả khác	26.594.000	26.594.000
Cộng	<u>751.530.296</u>	<u>649.090.034</u>

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngân hàng	323.824.798.044	-	323.824.798.044	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	236.613.778.977	-	236.613.778.977	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	28.780.000.000	-	28.780.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	53.317.842.389	-	53.317.842.389	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(iv)	3.512.715.551	-	3.512.715.551	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(v)	1.600.461.127	-	1.600.461.127	-
Vay cá nhân	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ông Dương Thái Nguyên ^(vi)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	<u>324.824.798.044</u>	<u>-</u>	<u>324.824.798.044</u>	<u>-</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng 201/2010/NHNT.AG ngày 15 tháng 6 năm 2010 và các hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm theo hợp đồng 201/2010/NTNT.AG) với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khung ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất nhà máy, văn phòng làm việc và máy móc thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22 tháng 5 năm 2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là quyền sở hữu công trình xây dựng, máy móc, thiết bị.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng số 48/2014/HĐTDXH.SĐ-NPPT-ĐT.AG, ngày 19 tháng 5 năm 2014. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất, cầm cố sổ dư tiền gửi và lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi, bao gồm: tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba là Công ty Cổ phần Châu Á. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2011/HĐTCQSĐTS-NHPT. Cầm cố sổ dư tiền gửi của Công ty Cổ phần Ntaco tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Cầm cố lãi tiền gửi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi được tính bổ sung vào giá trị tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20 tháng 05 năm 2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng tồn kho cá thành phẩm.
- (v) Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang (VIB) theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDTN2-VIB621/1.1 ngày 16 tháng 3 năm 2011 và các phụ lục hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa phi-lê xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển là các loại cá tra fillet thành phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu được bảo quản tại kho 1 và kho 2 của công ty tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, KCN phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất bột cá từ phế phẩm cá tra, basa.
- (vi) Khoản vay Ông Dương Thái Nguyên không có tài sản đảm bảo với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang đã tiến hành các thủ tục khởi kiện Công ty về các khoản nợ vay quá hạn chưa thanh toán và đã ra bản án sơ thẩm buộc Công ty phải có nghĩa vụ chi trả các khoản nợ cho các Ngân hàng. Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Tình hình biến động các khoản vay trong năm như sau:

	01/01/2018	Vay trong năm	Trả trong năm	31/12/2018
Vay ngắn hạn	323.824.798.044	-	-	323.824.798.044
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	236.613.778.977	-	-	236.613.778.977
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang	28.780.000.000	-	-	28.780.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	53.317.842.389	-	-	53.317.842.389
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang	3.512.715.551	-	-	3.512.715.551
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.600.461.127	-	-	1.600.461.127
Vay cá nhân	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Ông Dương Thái Nguyên	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Cộng	324.824.798.044	-	-	324.824.798.044

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số dư cuối năm
Quỹ khen thưởng	237.711.277	-	-	237.711.277
Quỹ phúc lợi	2.918.063	-	-	2.918.063
Cộng	240.629.340	-	-	240.629.340

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<i>Năm trước</i>			
Số dư đầu năm	119.999.980.000	(419.390.009.989)	(299.390.029.989)
Lợi nhuận trong năm	-	(163.779.382.254)	(163.779.382.254)
Số dư cuối năm	119.999.980.000	(583.169.392.243)	(463.169.412.243)
<i>Năm nay</i>			
Số dư đầu năm	119.999.980.000	(583.169.392.243)	(463.169.412.243)
Lợi nhuận trong năm	-	(6.934.248.358)	(6.934.248.358)
Số dư cuối năm	119.999.980.000	(590.103.640.601)	(470.103.660.601)

Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.998	11.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.999.998</i>	<i>11.999.998</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.999.998</i>	<i>11.999.998</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018 Nguyên tệ	01/01/2018 Nguyên tệ
Dollar Mỹ (USD)	339,68	363,88

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018	01/01/2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	147.172.849.190	147.172.849.190
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.480.000.000	10.480.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	68.666.843.861	68.666.843.861
Phải thu ngắn hạn khác	3.295.928.437	3.295.928.437
Phải thu dài hạn khác	307.979.796	307.979.796

Trong năm 2017, Công ty đã xóa nợ đối với các khoản nợ phải thu theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông. Việc xóa các khoản nợ làm phát sinh một khoản chi chí tương ứng tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	4.059.946.697
Doanh thu cho thuê kho	2.340.000.000	1.624.000.000
Cộng	2.340.000.000	5.683.946.697

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	7.289.349.053
Giá vốn cho thuê kho	5.067.609.649	2.507.163.252
Cộng	5.067.609.649	9.796.512.305

3. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay phát sinh.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi phí nhân viên quản lý	972.503.667	1.897.083.500
Chi phí đồng dùng văn phòng	-	315.151.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	767.268.180	1.457.517.263
Thuế, phí và lệ phí	796.566.960	805.766.960
Chi phí dự phòng	223.800.625	1.794.251.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	4.821.056
Các chi phí bằng tiền khác	1.250.583.703	1.754.661.601
Cộng	4.010.723.135	8.029.253.281

5. Thu nhập khác

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	47.403.657	-
Thu nhập bán phế liệu	75.523.545	-
Thu tiền điện cho thuê	91.709.250	431.062.804
Thu nhập từ xử lý công nợ (*)	-	28.024.090.689
Thu nhập khác	235.200.000	22.064.724
Cộng	449.836.452	28.477.218.217

(*) Năm 2017, Công ty đã xóa các khoản nợ phải trả mà Công ty xác định là không còn nghĩa vụ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông.

6. Chi phí khác

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	1.563.870.976
Xử lý công nợ (*)	-	116.038.547.074
Chi phí thuê xe	480.000.000	800.000.000
Phạt chậm nộp thuế	-	2.223.146.294
Chi phí khác	165.777.567	84.844.525
Cộng	645.777.567	120.710.408.869

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- (*) Năm 2017, các khoản xử lý công nợ là giá trị còn lại chưa lập dự phòng của các khoản phải thu không có khả năng thu hồi mà Công ty đã xóa theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	(6.934.248.358)	(163.779.382.254)
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.934.248.358)	(163.779.382.254)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(578)	(13.648)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.999.998	11.999.998
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tăng trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.999.998	11.999.998

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	315.151.617
Chi phí nhân công	972.503.667	3.729.412.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.718.094.229	6.234.583.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.783.600	2.735.487.777
Chi phí khác	2.270.951.288	4.811.130.174
Cộng	9.078.332.784	17.825.765.586

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị: VND

1. Công cụ tài chính

Công ty có các tài sản tài chính bao gồm các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.537.507	-	105.537.507
Đầu tư tài chính	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Phải thu khách hàng	6.363.958.359	-	6.363.958.359
Phải thu khác	586.133.226	-	586.133.226
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	6.948.894.585	-	6.948.894.585
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Tổng cộng	106.734.507	-	106.734.507
Ngày 31/12/2018			
Phải trả người bán	7.772.715.645	-	7.772.715.645
Vay và nợ thuê tài chính	324.824.798.044	-	324.824.798.044
Chi phí phải trả	161.691.631.437	-	161.691.631.437
Phải trả khác	724.936.296	-	724.936.296
Tổng cộng	497.024.875.422	-	497.024.875.422
Chênh lệch thanh khoản thuần	(496.918.140.915)	-	(496.918.140.915)
Ngày 01/01/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.983.306	-	111.983.306
Đầu tư tài chính	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Phải thu khách hàng	6.443.338.378	-	6.443.338.378
Phải thu khác	851.091.456	-	851.091.456
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	7.006.343.379	-	7.006.343.379
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Tổng cộng	400.069.761	-	400.069.761
Ngày 01/01/2018			
Phải trả người bán	8.142.590.575	-	8.142.590.575
Vay và nợ thuê tài chính	324.824.798.044	-	324.824.798.044
Chi phí phải trả	161.691.631.437	-	161.691.631.437
Phải trả khác	630.115.546	-	630.115.546
Tổng cộng	495.289.135.602	-	495.289.135.602
Chênh lệch thanh khoản thuần	(494.889.065.841)	-	(494.889.065.841)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO
Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

iv. Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Đơn vị: VND	
	31/12/2018		01/01/2018		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.537.507	-	111.983.306	-	105.537.507	111.983.306
Đầu tư tài chính	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-	-
Phải thu khách hàng	6.363.958.359	(6.363.958.359)	6.443.338.378	(6.421.407.153)	-	21.931.225
Phải thu khác	586.133.226	(584.936.226)	851.091.456	(584.936.226)	1.197.000	266.155.230
Tổng cộng	8.390.629.092	(8.283.894.585)	8.741.413.140	(8.341.343.379)	106.734.507	400.069.761
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	7.772.715.645	-	8.142.590.575	-	7.772.715.645	8.142.590.575
Vay và nợ thuê tài chính	324.824.798.044	-	324.824.798.044	-	324.824.798.044	324.824.798.044
Chi phí phải trả	161.691.631.437	-	161.691.631.437	-	161.691.631.437	161.691.631.437
Phải trả khác	724.936.296	-	630.115.546	-	724.936.296	630.115.546
Tổng cộng	495.014.081.422	-	495.289.135.602	-	495.014.081.422	495.289.135.602

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan mật thiết với các cá nhân này và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		
Nguyễn Thanh Sơn		
Mượn tiền	211.317.750	-
Trần Minh Trọng		
Mượn tiền	183.097.000	-
Huỳnh Thị Tuyết Trinh		
Thuê xe	-	400.000.000

Các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Đinh Thị Phương Thùy		
Thuê xe	240.000.000	400.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		
Phải trả tiền mượn	504.706.296	121.291.546

Các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Phải trả cho thuê xe	-	96.000.000
----------------------	---	------------

Cộng nợ phải trả	<u>504.706.296</u>	<u>217.291.546</u>
-------------------------	---------------------------	---------------------------

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tiền lương, thù lao và các khoản thưởng	475.000.000	615.000.0000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các công ty được xem là bên liên quan của Công ty như sau:

<u>Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	Công ty có cùng quản lý cấp cao
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Công ty có cùng quản lý cấp cao

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật		
Cho thuê xưởng	2.340.000.000	1.050.000.000
Chi hộ	198.737.509	-
Thu hộ	1.894.500.000	-
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An - Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Thuê xe	381.818.182	318.181.818
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật		
Thu hộ	220.230.000	482.230.000
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An - Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Thuê xe	-	30.000.000
Cộng nợ phải trả	220.230.000	512.230.000

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 590.103.640.601 đồng. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 499.055.370.265 đồng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty đã nhận được kết quả Bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang. Theo đó, Công ty phải có nghĩa vụ chi trả nợ gốc, lãi đến hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền lần lượt là 40.417.466.700 VND và 3.086.295.981 đồng.

Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Các yếu tố trên làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi-lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng nhân rồi để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Ntaco đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

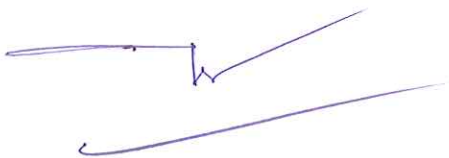
Trình bày lại số liệu năm trước

Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu đã phát hành	Thay đổi thuần	Số liệu trình bày lại
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.563.870.977	(2.117.017)	1.561.753.960
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	2.117.017	2.117.017

An Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng



TRẦN MINH TRỌNG



NGUYỄN THANH SƠN